

TỜ TRÌNH

V/v: “Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng năm 2023 và Điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vinaconex 25 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 12/04/2021;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 23QĐ/2021/VC25-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 25;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023 (“Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ”);
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 (“Nghị quyết HĐQT số 20”);
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 271/GCN-UBCK ngày 05/09/2023 của UBCKNN;
- Căn cứ công văn số 8109/UBCK-QLCB ngày 21/11/2023 của UBCKNN V/v báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của VCC;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 37/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 01/12/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (VCC) báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng năm 2023 và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu với các nội dung như sau:

I. Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023, Hội đồng quản trị xin được báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

1. Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

- Ngày 26/06/2023 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT về việc Thông qua triển khai phương án phát hành tăng vốn điều lệ và hồ sơ đăng ký chào bán và thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương

án phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ.

- Ngày 05/09/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 271/GCN-UBCK.
- Ngày 26/09/2023 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 17/11/2023 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 36NQ/2023/VC25-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành tăng vốn điều lệ năm 2023, với kết quả chào bán như sau:
 - + Tổng số cổ phiếu chào bán: 12.000.000 cổ phiếu
 - + Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 12.000.000 cổ phiếu
 - + Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 120.000.000.000 đồng.
- Công ty đã hoàn thành việc (1) thay đổi nội dung về Vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả chào bán cổ phiếu, (2) đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để ghi nhận Vốn điều lệ sau khi điều chỉnh, và (3) hoàn thành thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phần phát hành thêm tại các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

Căn cứ Công văn số 8109/UBCK-QLCB ngày 21/11/2023 của UBCKNN V/v báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của VCC, Công ty đã tiến hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT số 20 như sau:

- Trước ngày 21/11/2023 (thời điểm Công ty được sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán), một số Khế ước vay ngân hàng theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được phê duyệt tại Nghị quyết HĐQT số 20 đã đến hạn và được Công ty sử dụng nguồn vốn khác để thanh toán là 67.396.372.074 đồng, chiếm 56,16% số tiền thu được từ đợt chào bán.
- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, HĐQT chỉ được thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán. Do đó, trong phạm vi được ĐHĐCĐ ủy quyền tại Nghị quyết số 01NQ/2023/VC25-ĐHĐCĐ, ngày 01/12/2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 37NQ/2023/VC25-HĐQT về việc điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán. Số tiền sử dụng vốn được thay đổi so với phương án sử dụng vốn ban đầu được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 20 là: 59.143.594.249 đồng, chiếm 49,29% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán (*Nghị quyết số 37 được kèm theo Tờ trình này*). Số tiền còn lại là 8.252.777.825 đồng vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Do đó, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
- Tổng giá trị Công ty đã thanh toán cho các Khế ước vay Ngân hàng đến hạn trả nợ năm 2023 và năm 2024 (điều chỉnh theo Nghị quyết số 37) là: 111.747.222.175 đồng.

II. Điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán năm 2023

- 1. Phương án sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/ phát hành đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 phê duyệt trước đó:**

Theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng (kèm theo Tờ trình 176TTr/2023/TTr-HĐQT ngày 16/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinaconex 25), số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 120.000.000.000 đồng, sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể: **Thanh toán khế ước vay ngân hàng đến hạn trả trong năm 2023.**

2. Phương án sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/ phát hành điều chỉnh tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng như sau:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành là 120.000.000.000 đồng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- **Thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ (gọi tắt là “Khế ước vay ngân hàng”) đến hạn trả trong năm 2023: 58.619.674.734 đồng**
- **Thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ đến hạn trả trong năm 2024: 61.380.325.266 đồng**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các thay đổi về phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán so với phương án đã báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TTK, TCKH.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN XUÂN ĐÔNG

Số: 37NQ/2023/VC25-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25**

V/v: Điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 240 tỷ đồng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vinaconex 25 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 12/04/2021;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ/2021/VC25-HĐQT ngày 13/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 25;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2023;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023;
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 271/GCN-UBCK ngày 05/09/2023 của UBCKNN
- Biên bản họp HĐQT ngày 01/12/2023,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được quy định tại Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023

1. Thông qua điều chỉnh Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được quy định tại Điều 2 Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023, cụ thể như sau:

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để thanh toán các Hợp đồng tín dụng cụ thể, các Giấy nhận nợ (gọi tắt là “Khế ước vay ngân hàng”) lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (“Hợp đồng tín dụng số 01”) và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam (“Hợp đồng cho vay hạn mức số 20”). Thời gian sử dụng vốn để trả các khoản vay là sau khi kết thúc đợt chào bán. Cụ thể:

STT	Số Hợp đồng	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)
1	01/2022/586039/HĐTD ký ngày 06/09/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Vinaconex 25	80.000.000.000
2	20/2023-HĐCVHM/NHCT482-VINACONEX25 ký ngày 01/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Vinaconex 25 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	40.000.000.000
	Tổng cộng	120.000.000.000

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Hợp đồng tín dụng cụ thể thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 như sau:

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HDQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	01.265/2022/586039/HĐTD	28/03/2023	08/11/2023	4.674.939.690	4.399.006.064	-	-	Quý 4/2023
2	01.270/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	8.147.963.761	8.147.963.761	-	-	Quý 4/2023
3	01.271/2022/586039/HĐTD	03/04/2023	14/11/2023	3.952.755.800	3.952.755.800	-	-	Quý 4/2023
4	01.274/2022/586039/HĐTD	07/04/2023	17/11/2023	5.993.480.000	5.993.480.000	-	-	Quý 4/2023
5	01.276/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	3.336.542.449	3.336.542.449	-	-	Quý 4/2023
6	01.277/2022/586039/HĐTD	10/04/2023	21/11/2023	1.566.624.000	1.566.624.000	-	-	Quý 4/2023
7	01.279/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	2.447.891.108	Quý 4/2023
8	01.280/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	757.044.000	757.044.000	757.044.000	757.044.000	Quý 4/2023
9	01.281/2022/586039/HĐTD	13/04/2023	24/11/2023	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	Quý 4/2023
10	01.282/2022/586039/HĐTD	14/04/2023	24/11/2023	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	5.574.493.041	Quý 4/2023
11	01.283/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	5.611.932.554	Quý 4/2023
12	01.284/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	1.549.232.171	Quý 4/2023
13	01.285/2022/586039/HĐTD	17/04/2023	28/11/2023	246.777.441	246.777.441	246.777.441	246.777.441	Quý 4/2023
14	01.286/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	3.817.093.376	Quý 4/2023
15	01.287/2022/586039/HĐTD	18/04/2023	29/11/2023	792.080.000	792.080.000	792.080.000	792.080.000	Quý 4/2023
16	01.294/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	2.480.101.400	Quý 4/2023
17	01.295/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	1.499.433.900	Quý 4/2023

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HDQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
18	01.296/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	330.000.000	330.000.000	330.000.000	330.000.000	Quý 4/2023
19	01.297/2022/586039/HĐTD	24/04/2023	05/12/2023	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	Quý 4/2023
20	01.298/2022/586039/HĐTD	25/04/2023	06/12/2023	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	4.051.975.430	Quý 4/2023
21	01.301/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	511.533.995	511.533.995	511.533.995	511.533.995	Quý 4/2023
22	01.302/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	2.520.090.007	Quý 4/2023
23	01.303/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
24	01.304/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	Quý 4/2023
25	01.305/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	Quý 4/2023
26	01.306/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	Quý 4/2023
27	01.307/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
28	01.308/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
29	01.309/2022/586039/HĐTD	28/04/2023	08/12/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	Quý 4/2023
30	01.310/2022/586039/HĐTD	08/05/2023	19/12/2023	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	8.413.949.503	Quý 4/2023
31	01.382/2022/586039/HĐTD	12/07/2023	22/02/2024	-	-	1.170.056.000	885.980.263	Quý 1/2024
32	01.384/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	2.182.162.000	2.182.162.000	Quý 1/2024
33	01.385/2022/586039/HĐTD	13/07/2023	23/02/2024	-	-	1.109.315.216	1.109.315.216	Quý 1/2024
34	01.386/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	4.604.562.000	4.604.562.000	Quý 1/2024
35	01.387/2022/586039/HĐTD	14/07/2023	23/02/2024	-	-	666.810.000	666.810.000	Quý 1/2024
36	01.388/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	6.377.398.760	6.377.398.760	Quý 1/2024
37	01.389/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	547.720.992	547.720.992	Quý 1/2024
38	01.390/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	785.554.000	785.554.000	Quý 1/2024
39	01.391/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	2.279.253.660	2.279.253.660	Quý 1/2024
40	01.392/2022/586039/HĐTD	18/07/2023	28/02/2024	-	-	573.589.100	573.589.100	Quý 1/2024
41	01.396/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	Quý 1/2024
42	01.397/2022/586039/HĐTD	21/07/2023	01/03/2024	-	-	252.000.000	252.000.000	Quý 1/2024
43	01.398/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	3.412.026.083	3.412.026.083	Quý 1/2024

0378
ÔNG
Ồ PH
ACON
ẤU - T

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể (*)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HDQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
								1/2024
44	01.399/2022/586039/HĐTD	24/07/2023	05/03/2024	-	-	720.000.000	720.000.000	Quý 1/2024
TỔNG				80.275.933.626	80.000.000.000	80.284.075.737	80.000.000.000	

(*) Hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (7) đến STT (30) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu; từ STT (1) đến STT (6) được điều chỉnh và thay thế bởi các hợp đồng tín dụng cụ thể có số thứ tự từ STT (31) đến STT (44) với tổng giá trị là 27.396.372.074 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ dùng để thanh toán cho các Giấy nhận nợ thuộc Hợp đồng cho vay hạn mức số 20 như sau:

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HDQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
1	08	10/03/2023	10/09/2023	3.246.125.134	2.512.415.534	3.246.125.134	2.512.415.534	Quý 3/2023
2	14	20/03/2023	20/09/2023	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	1.056.172.304	Quý 3/2023
3	15	21/03/2023	21/09/2023	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	1.937.645.872	Quý 3/2023
4	16	21/03/2023	21/09/2023	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	2.746.544.115	Quý 3/2023
5	18	24/03/2023	24/09/2023	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	Quý 3/2023
6	20	27/03/2023	27/09/2023	1.710.394.579	1.710.394.579	-	-	Quý 3/2023
7	21	28/03/2023	28/09/2023	2.549.831.971	2.549.831.971	-	-	Quý 3/2023
8	25	03/04/2023	03/10/2023	2.554.455.037	2.554.455.037	-	-	Quý 4/2023
9	27	06/04/2023	06/10/2023	1.250.952.476	1.250.952.476	-	-	Quý 4/2023
10	29	10/04/2023	10/10/2023	2.097.750.000	2.097.750.000	-	-	Quý 4/2023
1	30	11/04/2023	11/10/2023	5.543.797.530	5.543.797.530	-	-	Quý 4/2023
2	32	14/04/2023	14/10/2023	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	Quý 4/2023
3	38	18/04/2023	18/10/2023	1.711.220.030	1.711.220.030	-	-	Quý 4/2023
4	40	20/04/2023	20/10/2023	2.622.284.746	2.622.284.746	-	-	Quý 4/2023
5	42	24/04/2023	24/10/2023	1.532.152.958	1.532.152.958	-	-	Quý 4/2023
6	43	24/04/2023	24/10/2023	1.258.650.000	1.258.650.000	-	-	Quý 4/2023
7	44	24/04/2023	24/10/2023	739.421.402	739.421.402	-	-	Quý 4/2023
8	45	25/04/2023	25/10/2023	658.709.746	658.709.746	-	-	Quý 4/2023
9	46	28/04/2023	28/10/2023	1.698.091.700	1.698.091.700	-	-	Quý 4/2023
10	47	28/04/2023	28/10/2023	819.510.000	819.510.000	-	-	Quý 4/2023
11	60	06/06/2023	06/12/2023			1.064.508.358	1.064.508.358	Quý 4/2023
13	62	12/06/2023	12/12/2023			1.611.685.056	1.611.685.056	Quý 4/2023
14	65	14/06/2023	14/12/2023			1.690.789.535	1.690.789.535	Quý 4/2023
15	69	27/06/2023	27/12/2023			1.649.063.859	1.649.063.859	Quý 4/2023

STT	Giấy nhận nợ (**)	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Chi tiết phương án sử dụng vốn ban đầu theo NQ số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT		Chi tiết phương án sử dụng vốn điều chỉnh		Thời gian sử dụng vốn dự kiến
				Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	
16	94	16/08/2023	16/02/2024			1.739.899.154	1.739.899.154	Quý 1/2024
17	99	21/08/2023	21/02/2024			1.604.262.020	1.604.262.020	Quý 1/2024
18	100	23/08/2023	23/02/2024			1.962.100.000	1.962.100.000	Quý 1/2024
19	102	24/08/2023	26/02/2024			2.951.379.000	2.951.379.000	Quý 1/2024
20	109	30/08/2023	29/02/2024			3.763.504.240	3.763.504.240	Quý 1/2024
21	111	06/09/2023	06/03/2024			2.105.398.914	2.105.398.914	Quý 1/2024
22	113	07/09/2023	07/03/2024			2.582.500.000	2.582.500.000	Quý 1/2024
23	121	14/09/2023	14/03/2024			2.147.770.820	2.147.770.820	Quý 1/2024
24	125	19/09/2023	19/03/2024			7.628.288.754	6.874.361.219	Quý 1/2024
	TỔNG			40.733.709.600	40.000.000.000	41.487.637.135	40.000.000.000	

(**) Số tiền dự kiến sử dụng theo các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (1) đến STT (4) được giữ nguyên theo phương án sử dụng vốn ban đầu là 8.252.777.825 đồng và sẽ được điều chỉnh sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua. Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (5) đến STT (20) được điều chỉnh và thay thế bởi các Giấy nhận nợ có số thứ tự từ STT (21) đến STT (33) với tổng giá trị là 31.747.222.175 đồng theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Số tiền sử dụng vốn thay đổi so với phương án sử dụng vốn ban đầu là: 59.143.594.249 đồng, chiếm 49,29% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán.

Lý do thay đổi: Một số Khế ước vay ngân hàng đến hạn trả trong năm 2023 lần lượt thuộc Hợp đồng tín dụng số 01 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 20, được thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã đến hạn trước thời điểm Công ty hoàn tất việc phát hành tăng vốn nên Công ty đã huy động nguồn vốn khác để trả nợ cho các Khế ước vay ngân hàng này. Vì vậy, Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn (dưới 50% số tiền thu được từ đợt chào bán thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị) đối với các Khế ước vay đã trả nợ trên bằng các Khế ước vay khác thuộc HĐ tín dụng số 01 và HĐ 20 bằng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán.

2. Các nội dung khác không thay đổi so với Nghị quyết số 20/NQ/2023/VC25-HĐQT ngày 26/06/2023 đã ban hành.

Điều 2. Hiệu lực và thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TTK.

